

# Kinh tế Việt Nam: chất lượng mới cho giai đoạn phát triển mới

TRẦN ĐÌNH THIÊN

**N**ền kinh tế Việt Nam bị suy giảm đáng kể tốc độ tăng trưởng trong thời kỳ Đông Á lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997-1998. Tốc độ tăng trưởng GDP đã tụt từ đỉnh cao 9,52% năm 1995

xuống còn 4,77% năm 1999. Tuy nhiên, từ năm 2000, nền kinh tế đã bắt đầu giai đoạn khôi phục tăng trưởng một cách vững chắc, với kết quả tăng trưởng được cải thiện rõ rệt qua từng năm (bảng 1).

BẢNG 1: Tăng trưởng GDP (% , giá năm 1994)

1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
9,54	9,34	8,15	5,56	4,77	6,79	6,89	7,08	7,34	7,69

Nguồn: Tổng cục Thống kê (TCTK).

Khôi phục tốc độ tăng trưởng là kết quả của quyết tâm tăng trưởng nhằm đưa Việt Nam từng bước thoát khỏi xu hướng suy giảm tốc độ tăng trưởng, là xu hướng vốn đã bắt đầu từ trước khi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực bùng nổ và bắt nguồn từ sự suy yếu trong nhịp độ cải cách thị trường cũng như sự ngập ngừng, e ngại trong tiến trình mở cửa xuất hiện. Sâu xa hơn, việc khôi phục tốc độ tăng trưởng từ năm 2000 đến nay là một hàm ý thực tiễn cho quyết tâm thoát khỏi tụt hậu phát triển so với nhiều nền kinh tế trên thế giới và trong khu vực của Việt Nam, tình trạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam coi là nguy cơ lớn nhất và nguy hiểm nhất đối với đất nước.

Trong bối cảnh quốc tế không hoàn toàn thuận lợi cho tăng trưởng (dòng đầu tư nước ngoài sụt giảm mạnh, thị trường thế giới cho nhiều mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ lực của Việt Nam gặp khó khăn), thành công của nỗ lực khôi phục tăng trưởng đó dựa trên những cơ sở nào?

Nhìn vào thực tiễn, có thể kể ra nhiều nguyên nhân cụ thể của thành tích nói trên. Song, không thể phủ nhận nguyên nhân bao trùm, cơ bản của việc vực dậy tốc độ tăng trưởng là nỗ lực tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nền kinh tế theo hướng thị trường và mở cửa hội nhập, những yếu tố cơ bản đã từng mang

lại cho Việt Nam những bước tiến ngoạn mục trong nửa đầu thập niên 1990<sup>1</sup>.

Từ năm 2000, tiến trình cải cách thể chế kinh tế của Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới. Điểm khởi đầu quan trọng nhất và cũng là nội dung đổi mới thể chế quan trọng của giai đoạn này là việc áp dụng Luật Doanh nghiệp (mới). Tư tưởng cơ bản của Luật Doanh nghiệp là tạo điều kiện thuận lợi và môi trường thông thoáng cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Theo đó, hàng loạt sự trói buộc, ngăn cản tư nhân phát triển đã được tháo bỏ. Kết cục là từ năm 2000 đến nay, Việt Nam chứng kiến sự bùng dậy giống như một làn sóng mãnh liệt của khu vực tư nhân.

Chỉ trong vòng 5 năm, lực lượng doanh nghiệp tư nhân mới ra đời, dù tính theo chỉ số nào - số lượng doanh nghiệp mới thành lập, vốn huy động mới, số việc làm mới - đều vượt xa tổng số đạt được của 10 năm trước đó.

Trần Đình Thiên, PGS.TS, Viện Kinh tế Việt Nam.

1. Nhận định nêu trên chỉ là một minh chứng điển hình của một kết luận tổng quát hơn. Việc tổng kết 20 năm đổi mới kinh tế Việt Nam cho thấy rõ rằng lúc nào, nơi nào duy trì được quyết tâm và nỗ lực cải cách theo hướng thị trường - mở cửa một cách triệt để và nhất quán thì khi đó, nơi đó thu được những thành quả tăng trưởng và phát triển to lớn và bền vững. Ngược lại, mọi sự do dự, chần chừ với xu thế chuyển sang nền kinh tế thị trường mở cửa đều trực tiếp làm giảm sút rõ rệt các kết quả thực tiễn.

Chỉ tính từ đầu năm 2000 đến tháng 7 - 2003, đã có hơn 71.500 doanh nghiệp mới đăng ký kinh doanh, gấp 6 lần số doanh nghiệp mới ra đời trong giai đoạn 1991-1999<sup>2</sup>. Tổng số vốn mới đăng ký là 9,5 tỷ USD, gấp hơn 4 lần so với giai đoạn 1991-1999, lớn hơn số vốn FDI đăng ký trong cùng thời kỳ. Kể từ năm 2000, số vốn đầu tư của khu vực tư nhân bắt đầu vượt và vượt ngày càng xa số vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước<sup>3</sup>. Số doanh nghiệp tư nhân mới ra đời cũng tạo ra thêm gần 2 triệu việc làm mới, trở thành lực lượng cung ứng việc làm chủ yếu cho nền kinh tế. Khu vực tư nhân ngày càng khẳng định được vai trò to lớn và vị thế quan trọng ngày càng tăng lên của mình.

Xu hướng này cho thấy sự chuyển hướng

**BẢNG 2: Tốc độ tăng GDP theo thành phần kinh tế, 2001-2004 (%)**

	2001	2002	2003	2004
<b>Tốc độ tăng GDP</b>	<b>6,89</b>	<b>7,04</b>	<b>7,34</b>	<b>7,69</b>
Kinh tế nhà nước	7,44	7,11	7,65	7,75
Kinh tế ngoài quốc doanh	6,36	7,04	6,36	6,84
<i>Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</i>	<i>7,21</i>	<i>7,16</i>	<i>10,52</i>	<i>11,09</i>

Nguồn: TCTK. Niên giám thống kê 2003; Số liệu thống kê kinh tế 2004.

**BẢNG 3: Tăng trưởng xuất nhập khẩu (triệu USD và %)**

Năm	Kim ngạch XK	Tốc độ tăng XK	Kim ngạch NK	Tốc độ tăng NK
1994	4.054	35,8	5.825	48,5
1995	5.449	34,4	8.155	40,0
1996	7.255	33,2	11.143	36,6
1997	9.185	26,6	11.592	4,0
1998	9.360	1,9	11.499	-0,8
1999	11.541	23,3	11.742	2,1
2000	14.482	25,5	15.636	33,2
2001	<b>15.027</b>	<b>3,8</b>	<b>16.162</b>	<b>3,4</b>
2002	16.705	11,2	19.733	21,8
2003	20.176	20,8	25.226	27,8
2004	26.500	28,9	31.516	24,9

Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam 2004-2005

Cả hai biểu trên cho thấy đóng góp quan trọng của các yếu tố đầu tư và thương mại quốc tế vào thành tích tăng trưởng của Việt Nam. Cho đến nay, nền kinh tế Việt Nam có độ mở cửa rất lớn (khoảng 120%), thuộc nhóm nước có độ mở cửa cao nhất thế giới và khu vực. Đây là điều rất đáng lưu tâm vì Việt Nam có trình độ phát triển thấp, lại chuyển

manh mẽ trong việc phân bổ các nguồn lực phát triển giữa các khu vực kinh tế: về nguyên tắc, các nguồn lực có cơ hội khách quan để chảy vào khu vực nào biết sử dụng chúng hiệu quả hơn. Đối với một nền kinh tế có trình độ phát triển thấp và nghèo vốn như Việt Nam, sự thay đổi chiều vận động của dòng vốn như vậy là đặc biệt có ý nghĩa. Nó minh chứng rõ ràng và thuyết phục cho giá trị phát triển thực sự của các hành động cải cách theo hướng thị trường.

Nhìn từ góc độ mở cửa và hội nhập quốc tế, trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay, tuy dòng FDI và ngoại thương có động thái không ổn định, song vai trò là động lực tăng trưởng chủ chốt đối với nền kinh tế Việt Nam của chúng cũng được khẳng định ngày càng rõ. Các số liệu dưới đây xác nhận điều đó.

sang quỹ đạo thị trường - mở cửa chậm hơn so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực.

2. Đó là chưa kể hơn 800.000 hộ kinh doanh cá thể mới đăng ký hoạt động.

3. Tỷ trọng đầu tư của khu vực tư nhân và khu vực doanh nghiệp nhà nước trong tổng đầu tư xã hội qua các năm như sau: năm 2000: 19,5% và 18,25%; năm 2001: 23,5% và 19,3%; năm 2002: 25,3% và 16,87%; năm 2003: 26,73% và 17,74% (Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Gắn với luận điểm về vai trò của mở cửa và hội nhập quốc tế đối với phát triển kinh tế của Việt Nam, trong thời gian gần đây, không thể không nhắc đến tác động của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ ký kết năm 2001. Việc ký kết Hiệp định này, giống như việc áp dụng Luật Doanh nghiệp năm 2000, cũng tạo ra một sự bùng nổ. Chỉ khác ở chỗ đây là bùng nổ xuất khẩu sang thị trường Mỹ, thị trường lớn nhất thế giới và là "thị trường chỗ dựa" hàng đầu cho tất cả những sự "thần kỳ" Đông Á trước đây cũng như hiện nay.

BẢNG 4: Ngoại thương Việt Nam - Hoa Kỳ 10 năm thiết lập quan hệ (triệu USD)

	Xuất khẩu từ Việt Nam	Nhập khẩu từ Mỹ
1994	50,5	172,9
1995	199,0	252,3
1996	331,8	616,6
1997	388,4	286,7
1998	554,1	273,9
1999	608,4	291,5
2000	821,3	367,5
2001	1.053,2	460,4
2002	2.394,8	580,0
2003	4.554,8	1.324,4
2004	5.275,8	1.163,4

Nguồn: Thời báo Kinh tế Sài Gòn, 16-6-2005.

Điểm đáng lưu ý là ngay lập tức sau khi BTA Việt - Mỹ ký kết (tháng 12-2001), xuất khẩu vào thị trường Mỹ của Việt Nam lập tức tăng theo cấp số nhân liên tục trong 2 năm tiếp theo. Nhờ đó, chỉ sau hai năm, Mỹ leo lên chiếm vị trí thị trường xuất khẩu số 1 của Việt Nam.

Kết quả này chứng tỏ:

- Lợi ích mà quá trình mở cửa mang lại là to lớn, hiển nhiên và ngay lập tức. Thực tế này làm cho thái độ e ngại, chần chừ đối với hoạt động mở cửa, hội nhập quốc tế vốn khá nặng trước đây giảm hẳn.

- Tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam là rất lớn. Chỉ cần một thao tác "mở cửa", nhiều trói buộc lập tức được gỡ bỏ, tiềm lực phát triển to lớn bị chôn giấu có cơ hội bùng dậy và trở thành sức mạnh tăng trưởng to lớn hiện thực. Đây là một bài học lớn, rất lớn cho Việt Nam khi đối mặt trực diện với quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới tới đây.

Cũng xin lưu ý rằng tiến trình gia nhập WTO của Việt Nam được đẩy lên rất mạnh trong vài năm gần đây, với đích cụ thể là trở thành thành viên WTO vào năm 2005, có động lực khuyến khích mạnh mẽ từ những kết quả rõ ràng của BTA Việt - Mỹ.

Như vậy, kinh nghiệm phát triển gần đây nhất của Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định chân lý của đổi mới: kiên trì và triệt để với tư tưởng cải cách hướng tới thị trường, đẩy mạnh quá trình mở cửa - hội nhập là những động lực tăng trưởng và phát triển cơ bản của nền kinh tế chuyển đổi của Việt Nam. Sự trôi chảy của khu vực tư nhân (khía cạnh cải cách thể chế thị trường) và sự tăng trưởng vượt trội của khu vực tư nhân (khía cạnh mở cửa) là hai bằng chứng mới về tiềm năng cải cách, do đó, là triển vọng tăng trưởng to lớn kéo dài của nền kinh tế Việt Nam. Xu hướng này hiện vẫn đang được tiếp tục đẩy mạnh với các hành động cải cách thể chế và hội nhập quốc tế, biểu hiện rõ nhất ở: i) nỗ lực soạn thảo và thông qua sớm Luật Doanh nghiệp thống nhất và Luật Đầu tư chung, nhằm tạo sự cải thiện căn bản trong môi trường kinh doanh và môi trường đầu tư; ii) Phấn đấu để Việt Nam trở thành thành viên WTO sớm, với mốc phấn đấu là cuối năm 2005.

Kinh nghiệm lịch sử đang cung cấp những cơ sở để củng cố niềm tin rằng những cố gắng đó chắc chắn sẽ đem lại cho nền kinh tế Việt Nam một triển vọng phát triển tốt đẹp.

Tuy nhiên, một cách công bằng, cần phải nhìn nhận rằng để giải quyết vấn đề phát triển của mình, đặc biệt là vấn đề tụt hậu phát triển trong môi trường hội nhập quốc tế, nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước rất nhiều thách thức lớn và gay gắt. Trong những năm gần đây, nhiều hồi chuông cảnh báo về xu hướng tụt hậu xa hơn, về mức tăng trưởng thấp và tiềm năng và về mức độ cải thiện chậm chạp hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế đang vang lên mạnh mẽ. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần chỉ ra thực tế này, và có những đánh giá rất thẳng thắn về sự nguy hại dài hạn mà tình trạng đó có thể gây ra cho nền kinh tế.

Những cuộc bàn luận gần đây nhất và đặc biệt sôi nổi về mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng, giữa tốc độ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, về các vấn đề phải giải quyết sau khi Việt Nam trở thành thành viên WTO, v.v. đang chứng tỏ Việt Nam đang có thái độ đặc biệt nghiêm túc khi bước vào giai đoạn phát triển được xác định là “giai đoạn mới về chất”. Áp lực đổi mới và cải cách thể chế đang gia tăng rất mạnh khi Việt Nam tiến ngày càng gần đến ngưỡng của hội nhập thực sự đầy đủ vào nền kinh tế thế giới. Cách đặt vấn đề “Phát triển trong môi trường hội nhập và dựa vào hội nhập” đang trở thành một quan điểm định hướng cho các nỗ lực cải cách, tăng trưởng và phát triển của giai đoạn tới.

Nhưng cụ thể, nền kinh tế Việt Nam cần giải quyết những vấn đề lớn nào?

Chương trình nghị sự cho phát triển của Việt Nam đang đặt ra hàng loạt nhiệm vụ cần phải giải quyết ở tầm chiến lược. Trong đó, nổi bật những nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển.* Như kinh nghiệm đổi mới cho thấy, đây luôn luôn là điểm khởi đầu quyết định cho một quá trình, một giai đoạn mới. Nhiệm vụ này bao hàm các nội dung cụ thể sau:

- *Nhận thức đầy đủ và sâu sắc những xu hướng mới và những thay đổi đang diễn ra trên thế giới.* Là một nền kinh tế có độ mở cửa lớn, triển vọng hội nhập quốc tế nhanh, tình hình thế giới có tác động trực tiếp, nhanh chóng và ngày càng mạnh mẽ đến “sức khỏe” của nền kinh tế Việt Nam. Do vậy, cách nhìn thế giới phải được coi là cơ sở cho sự đổi mới tư duy chiến lược và chính sách phát triển quốc gia.

Sự nhận diện thế giới hiện nay được quy về 3 điểm then chốt. *Một là xu hướng toàn cầu hóa; hai là quá trình chuyển nhanh sang kinh tế tri thức và ba là sự thay đổi nhanh chóng và sâu sắc tương quan sức mạnh và cục diện phát triển trên thế giới.* Thế giới đang thay đổi sâu sắc và rất nhanh chóng. Người ta đang nói đến công thức phát triển dựa trên “Tư duy toàn cầu và hành động quốc gia”. Với một đất nước nghèo, trình độ phát triển thấp và chỉ đang trong quá trình hội nhập vào thế giới, đây quả

thật là những vấn đề mới mẻ và không dễ thực hiện. Nhưng đó lại là những việc không thể không làm. Hơn thế, lại cần được làm và hoàn thành một cách xuất sắc.

Cách tiếp cận vấn đề này càng làm nổi bật vai trò và vị thế đặc biệt quan trọng của công tác ngoại giao đối với triển vọng phát triển của nền kinh tế đang trong quá trình hội nhập quốc tế nhanh của Việt Nam

- *Đổi mới tư duy về mô hình tăng trưởng và phát triển.* Quan điểm cơ bản được xác định là Việt Nam không thể thoát khỏi tình trạng tụt hậu phát triển nếu vẫn tiếp tục mô hình tăng trưởng truyền thống, tức là đặt tăng trưởng dựa chủ yếu vào khai thác tối đa tài nguyên, đặt nặng tốc độ tăng trưởng mà coi nhẹ các mục tiêu khác có tính tổng hợp và “động” như chất lượng tăng trưởng, phát triển con người và năng lực cạnh tranh. Việt Nam cần chuyển nhanh sang mô hình tăng trưởng hiện đại, dựa ngày càng mạnh vào tri thức và công nghệ hiện đại, coi con người là mục tiêu và lực lượng phát triển chủ đạo, lấy rượt đuổi công nghệ, bám đuổi tri thức là phương thức chủ đạo để tiến kịp thế giới.

- *Đổi mới mạnh mẽ quan niệm về mục tiêu phát triển.* Sự nhấn mạnh đến các mục tiêu khẳng định vị thế của Việt Nam trong nền kinh tế thế giới và khu vực cần được coi là điểm then chốt trong tư duy chiến lược hiện nay. Liệu Việt Nam có trở thành một cường quốc xuất khẩu (của một hay một số hàng hóa quan trọng) hay không; nền kinh tế Việt Nam có trở thành một mắt khâu không thể thiếu được trong hệ thống phân công lao động toàn cầu và khu vực mới đang định hình, hay sẽ bị “đặt ra bên lề” của hệ thống này khi các nền kinh tế khổng lồ như Trung Quốc và Ấn Độ đang trở dậy mạnh mẽ và trở thành những cường quốc kinh tế có khả năng chi phối luật lệ và quy tắc của “trò chơi” phát triển trên thế giới và trong khu vực?

- *Cần khẳng định rõ vai trò định hướng tư duy và hành động phát triển của quan điểm “Tăng trưởng và phát triển trong môi trường hội nhập và dựa vào hội nhập” trong giai đoạn phát triển mới.* Nhà nước Việt Nam chủ trương chủ động mở cửa và hội nhập quốc tế. Chủ

động tham gia vào quá trình toàn cầu hóa là vấn đề có tính nguyên tắc theo nghĩa đây là cách thức cơ bản để vừa mở ra cơ hội và khả năng tận dụng tốt nhất các cơ hội phát triển tốt nhất mà quá trình phát triển của loài người mang lại cho các nước đi sau; lại vừa cho phép né tránh rủi ro, giảm thiểu tác động tiêu cực mà quá trình hội nhập có thể gây ra. Tuy nhiên, cần phải định vị rõ hơn nữa bản chất của quá trình này. Đó là bản chất “Phát triển dựa vào hội nhập”. Việc xác định bản chất như vậy không có giá trị tự nó mà nhằm đến một mục tiêu cao hơn: quá trình chủ động tham gia hội nhập quốc tế phải biến thành một quá trình tích cực. Khi đó, như kinh nghiệm cho thấy, Việt Nam sẽ gạt hái lợi ích phát triển được gấp bội và nhờ đó, cũng đóng góp tích cực hơn cho sự phát triển kinh tế của khu vực và thế giới.

*Thứ hai*, trên cơ sở nhận diện tình hình và với cách tiếp cận mới tư duy phát triển như vậy, *Việt Nam cần tiến đến một chiến lược phát triển được xác định cụ thể và bảo đảm sự nhất quán trong các yếu tố cấu thành nó. Hàm ý ở đây là việc xây dựng một chiến lược CNH, HĐH đất nước mang tính hiện thực và khả thi.* Hiện thực, khả thi không chỉ có nghĩa là các mục tiêu phải “vừa sức”. Hơn thế, các mục tiêu phải bảo đảm đất nước thoát khỏi tụt hậu và phát triển được trong môi trường cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt. Để đạt được điều đó, Việt Nam cần đến một chiến lược phát triển khôn ngoan, có tầm nhìn dài hạn và tự nó nuôi dưỡng được một quyết tâm phát triển trong hội nhập. Là một nền kinh tế đi sau, Việt Nam có điều kiện để xây dựng và thực thi một chiến lược công nghiệp hóa như vậy. Nhưng xin nhấn mạnh: đó là quá trình diễn ra trong một môi trường quốc tế đầy thách thức và cực kỳ rủi ro.

Trên đây là những ý tưởng chủ đạo để nghĩ tới một chiến lược CNH, HĐH “rút ngắn”. Nội dung cơ bản của chiến lược này là Việt Nam phải phát triển bằng cách:

- Rút ngắn thời gian thực hiện từng bước đi tuần tự mà các nước đi trước đã trải qua;
- Chuyển nhanh vào các ngành, các công đoạn, các quá trình phát triển dựa vào công nghệ hiện đại bằng những bước “nhảy vọt cơ

cấu” (kiểu như Malaixia tập trung phát triển mạnh ngành công nghệ điện tử trong những năm 1970-1980, hay Ấn Độ phát triển mạnh ngành công nghệ thông tin trong thập niên 1990).

Lôgic phát triển như vậy là có thể và hầu như là bắt buộc đối với Việt Nam. Nhưng để thực hiện được lôgic đó, chắc chắn mô hình tăng trưởng của Việt Nam sẽ phải thay đổi mạnh mẽ. Chắc chắn rằng các yếu tố quốc tế sẽ chiếm một vị trí trọng yếu trong mô hình này, cả ở hai phía thị trường và đầu tư. Trong giai đoạn đầu, khi tiềm lực kinh tế và tài chính chưa mạnh, dòng FDI sẽ đóng vai trò đặc biệt quan trọng, thậm chí là quyết định trong những giới hạn xác định, trong việc cải thiện năng lực công nghệ, kỹ thuật, quản trị và khả năng tiếp cận thị trường thế giới của Việt Nam. Đây cũng là yếu tố có vai trò to lớn trong việc giúp Việt Nam tạo lập một chỗ đứng và một thế đứng chắc chắn trong hệ thống phân công lao động quốc tế và khu vực mới. Theo nghĩa như vậy, có cơ sở để nói đến một sự kết hợp đặc trưng của công thức phát triển “thị trường định hướng XHCN” và dựa mạnh hơn vào FDI như một lực lượng dẫn dắt công nghệ (dẫn dắt tiến trình cơ cấu) ở Việt Nam trong giai đoạn đầu của quá trình CNH. Công thức này thể hiện một cách tiếp cận mới, một tầm nhìn mới đối với công cuộc phát triển của Việt Nam trong thế giới hiện đại. Không có gì khác hơn, đó là tầm nhìn toàn cầu, coi các quá trình toàn cầu và hội nhập là những động lực cơ bản của sự phát triển quốc gia. Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận vai trò nền tảng, quyết định của các lực lượng, yếu tố trong nước. Cách nói như trên đã giả định hay ngầm định vai trò đó. Việc nhấn mạnh vai trò của các yếu tố quốc tế nhằm làm nổi bật yêu cầu đổi mới tư duy phát triển; đồng thời, nó dẫn tới đòi hỏi phải thay đổi mạnh mẽ và triệt để môi trường kinh doanh trong nước.

Một sự kết hợp trong ngoài, một sự phối hợp sức mạnh các nguồn lực trong và ngoài nước như vậy chắc chắn sẽ mang lại cho nền kinh tế Việt Nam những thành tích tăng trưởng và phát triển tốt đẹp trong giai đoạn tới, có thể còn hơn những gì rất tuyệt vời mà nó đã từng gạt hái được trong 20 năm đổi mới vừa qua./